



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn - Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-1296/2506

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 07 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH NHÀ MÁY BIA HEINEKEN VIỆT NAM
2. Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY BIA QUẬN 12 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
3. Địa chỉ : 170 Lê Văn Khương, phường Thới An, Tp. Hồ Chí Minh
4. Người lấy mẫu : Lê Lý Sĩ Liêm
5. Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, công ty hoạt động bình thường
6. Ngày lấy mẫu : 27/06/2025
7. Thời gian phân tích : 27/06/2025 – 10/07/2025
8. Kết quả thử nghiệm : Xem trang 2 – 3/3

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

KS. TRẦN THỊ HÀI HÒA

GIÁM ĐỐC



ThS. PHẠM DUY TÂN



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn - Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-1296/2506

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 07 năm 2025

KẾT QUẢ ĐO ĐẶC, PHÂN TÍCH NƯỚC THẢI (Mã số mẫu: 250627001_NT01)

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT, cột A C _{max} =C _x K _{qx} K _f	Phương pháp đo đặc, phân tích
			NT01		
1	BOD ₅	mg/L	13	24,3	TCVN 6001-1: 2021
2	Clorua (Cl) ⁻	mg/L	383	405	TCVN 6194:1996
3	Clo dư (Cl ₂)	mg/L	KPH (MDL=0,25)	0,81	TCVN 6225 - 3 : 2011
4	Amoni (N NH ₄ ⁺) ⁺	mg/L	0,34	4,05	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023
5	Tổng Nito ⁺	mg/L	< 9,0	16,2	TCVN 6638:2000
6	Tổng phospho ⁺	mg/L	2,48	3,2	SMEWW 4500-P. B&D:2023
7	Sulfua (S ²⁻)	mg/L	KPH (MDL=0,03)	0,162	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023
8	Florua (F ⁻) ⁺	mg/L	KPH (MDL=0,07)	4,05	SMEWW 4500-F ⁻ . B&D:2023
9	Asen (As)	mg/L	KPH (MDI=0,0024)	0,04	SMEWW 3113B:2023
10	Cadimi (Cd)	mg/L	KPH (MDL=0,0027)	0,04	SMEWW 3113B:2023
11	Chì (Pb)	mg/L	KPH (MDL=0,0026)	0,08	SMEWW 3113B :2023
12	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/L	KPH (MDL=0,007)	0,04	SMEWW 3500-Cr: 2023
13	Crom III (Cr ³⁺)	mg/L	KPH (MDL=0,007)	0,16	SMEWW 3500-Cr: 2023& SMEWW 3113B:2023
14	Đồng (Cu) ⁺	mg/L	KPH (MDL=0,076)	1,6	SMEWW 3111B:2023
15	Kẽm (Zn) ⁺	mg/L	KPH (MDL=0,036)	2,4	SMEWW 3111B:2023
16	Mangan (Mn)	mg/L	KPH (MDL=0,084)	0,4	SMEWW 3111B:2023
17	Niken (Ni)	mg/L	KPH (MDL=0,001)	0,16	SMEWW 3113B:2023
18	Sắt (Fe)	mg/L	< 0,27	0,81	SMEWW 3500-Fe.B:2023
19	Tổng Xianua (CN ⁻)	mg/L	KPH (MDL=0,005)	0,0567	SMEWW 4500 CN ⁻ . C &E:2023
20	Thủy ngân (Hg)	mg/L	KPH (MDL=0,0003)	0,004	TCVN 7877:2008
21	Tổng phenol	mg/L	KPH	0,081	TCVN 6216:1996

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đặc nếu không có ghi chú khác

- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của

Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06

LBH/SX: 03/01

NBH: 02/05/2019

Trang: 2/3

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT**

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn - Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-1296/2506

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 07 năm 2025

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT, cột A $C_{max}=C_xK_qxK_f$	Phương pháp đo đặc, phân tích
			NT01		
			(MDL=0,03)		
22	Dầu mỡ khoáng	mg/L	KPH (MDL=0,5)	4,05	SMEWW 5520B&F:2023
23	Tổng Coliform	MPN/ 100mL	$9,2 \times 10^2$	3.000	SMEWW 9221B: 2023

Ghi chú:

- (*) Thông số đã được VILAS công nhận
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về nước thải Công nghiệp.
Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.
 C_{max} là giá trị tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào các nguồn tiếp nhận nước thải
C là giá trị của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp quy định tại bảng 1 QCVN 40 : 2011/BTNMT
 K_q là hệ số nguồn tiếp nhận nước thải; $K_q = 0,9$, ứng với $Q \leq 50m^3/s$.
 K_f là hệ số lưu lượng nguồn thải ; $K_f = 0,9$, ứng với $F > 5.000 m^3/24h$.
- KPH: Không phát hiện
- MDL: Ngưỡng phát hiện

Phương pháp lấy mẫu:

- ☒ Nước thải TCVN 5999 : 1995 ☒ Bảo quản xử lý mẫu nước TCVN 6663-3 : 2016; TCVN 6663-14: 2018
- ☒ Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu TCVN 6663-1:2011

Ký hiệu vị trí lấy mẫu và mô tả mẫu:

- NT01: Nước thải sau hệ thống xử lý (Kinh độ: 106°39'13.6'', Vĩ độ: 10°52'7.9'')

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đặc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06

LBH/SX: 03/01

NBH: 02/05/2019

Trang: 3/3



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn - Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-1297/2506

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 07 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH NHÀ MÁY BIA HEINEKEN VIỆT NAM
2. Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY BIA QUẬN 12 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
3. Địa chỉ : 170 Lê Văn Khương, phường Thới An, Tp. Hồ Chí Minh
4. Người lấy mẫu : Lê Lý Sĩ Liêm
5. Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, công ty hoạt động bình thường
6. Ngày lấy mẫu : 27/06/2025
7. Thời gian phân tích : 27/06/2025 – 10/07/2025
8. Kết quả thử nghiệm : Xem trang 2 – 3/3

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

KS. TRẦN THỊ HÀI HÒA



ThS. PHẠM DUY TÂN



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn - Website: www.thanthienmoitruong.com



VILAS 718

Mã số phiếu: DVE-1297/2506

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 07 năm 2025

KẾT QUẢ ĐO ĐẠC, PHÂN TÍCH BÙN THẢI

(Mã số mẫu: 250627001_BT01)

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 50:2013/BTNMT, hàm lượng tuyệt đối	Phương pháp đo đạc, phân tích
			BT01		
1	pH	-	6,74	Trong khoảng 2,0 - 12,5	US EPA Method 9040C & US EPA Method 9045D
2	Asen (As)	ppm	KPH (MDL=0,28)	12,0	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7010
3	Bari (Ba)	ppm	KPH (MDL=130)	601,6	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B
4	Cadimi (Cd)	ppm	KPH (MDL=0,24)	3,01	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7010
5	Bạc (Ag)	ppm	KPH (MDL=7,4)	30,1	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B
6	Chì (Pb)	ppm	KPH (MDL=43,3)	90,2	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B
7	Coban (Co)	ppm	KPH (MDL=6,6)	481,3	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B
8	Kẽm (Zn)	ppm	331,1	1.504	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B
9	Niken (Ni)	ppm	KPH (MDL=42)	421,1	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B
10	Selen (Se)	ppm	KPH (MDL=0,55)	6,02	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7010
11	Thủy ngân (Hg)	ppm	KPH (MDL=0,05)	1,20	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7470 A
12	Crom VI (Cr ⁶⁺)	ppm	KPH (MDL=6)	30,1	US EPA Method 3060 A + US EPA Method 7196 A
13	Tổng Xianua (CN ⁻)	ppm	KPH (MDL=2,8)	177,5	US EPA Method 9010 C + US EPA Method 9013 A + US EPA Method 9014
14	Tổng dầu	ppm	KPH (MDL=23)	300,8	US EPA Method 9071 B
15	Phenol [#]	ppm	KPH (MDL=10)	6.016	US EPA 3540C + US EPA 3650B + US EPA 8041A
16	Benzen [#]	ppm	KPH (MDL=0,5)	3,01	US EPA 5021A

Ghi chú:

- (#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ (Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3 – Vimcerts 078)

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác

- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại NBH: 02/05/2019

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của

Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06

LBH/SX: 03/01

Trang: 2/3



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM

ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198

Email: daiviet@dve.vn - Website: www.thanthienmoitruong.com



Mã số phiếu: DVE-1297/2506

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 07 năm 2025

- QCVN 50:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước

Giá trị hàm lượng tuyệt đối (H_{tc} , ppm) được tính bằng công thức sau

$$H_{tc} = \frac{H \times (1 + 19 \times T)}{20}$$

Trong đó:

H (ppm) là giá trị hàm lượng tuyệt đối cơ sở được quy định trong bảng 1

T là tỷ số giữa khối lượng thành phần rắn khô trong mẫu bùn thải trên tổng khối lượng mẫu bùn thải, ứng với $T = 0,264$

- KPH: Không phát hiện
- MDL: Ngưỡng phát hiện

Phương pháp lấy mẫu:

☒ Bùn TCVN 6663-13 : 2015

☒ Bảo quản xử lý mẫu bùn TCVN 6663-15 : 2004

Ký hiệu vị trí lấy mẫu và mô tả mẫu:

- BT01: Bùn thải sau hệ thống xử lý nước thải (Kinh độ: $106^{\circ}39'13.6''$, Vĩ độ: $10^{\circ}52'9.3''$)

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác

- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại NBH: 02/05/2019

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của

Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

MS: BM.04.06

LBH/SX: 03/01

Trang: 3/3